

Bản án số: 201/2026/HNGĐ-ST
Ngày 14 – 5 – 2026
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Vũ Minh Hoàng.
- Ông Hồ Quang Minh.

- Thư ký phiên toà: Ông Bùi Vũ Phong, là Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 14 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 292/2026/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2026 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 324/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Thảo N, sinh năm 1984; Căn cước công dân số 096184015491, cấp ngày 22/11/2022, nơi cấp: Cục C1 về TTXH; Địa chỉ: Ấp A, xã C, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Khổng Văn Đ, sinh năm 1981; Căn cước công dân số 096081004181, cấp ngày 12/8/2021, nơi cấp: Cục C1 về TTXH; Địa chỉ: Ấp M, xã N, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về hôn nhân, chị Lê Thị Thảo N và anh Khổng Văn Đ chung sống với nhau có tổ chức cưới gả theo phong tục và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, tỉnh Cà Mau nay thuộc Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng theo chị N trình bày đến khoảng năm 2015, giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do anh Đ thường hay uống rượu dẫn đến vợ chồng thường hay cãi vã từ đó vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Mặc dù, anh chị đã cố gắng hòa giải hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng không mang lại kết quả nên anh chị đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay, mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm đến ai, hiện chị không còn tình cảm với anh Đ nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Đ,

riêng anh Đ cũng đồng ý ly hôn với chị N.

Về con chung, chị N và anh Đ chung sống có 02 người con chung là Khổng Hùng T, sinh ngày 13/02/2003 và Khổng Hùng N1, sinh ngày 16/6/2006. Hiện các con đã thành niên, tự nuôi sống bản thân được nên khi ly hôn, anh Đ đến C chị N không đặt ra yêu cầu gì về con.

Về tài sản chung và nợ chung, chị N và anh Đ khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đồng thời, do đang làm thuê cho Công ty M tại Thành phố Hồ Chí Minh, điều kiện đi lại và việc xin nghỉ phép rất khó khăn nên chị Lê Thị Thảo N (nguyên đơn) đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị. Đối với anh Khổng Văn Đ (bị đơn) đã có ý kiến và xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng, nguyên đơn cùng bị đơn đã có lời khai và có yêu cầu xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 của Bộ luật tố tụng Dân sự chấp nhận yêu cầu xin vắng mặt của các đương sự.

[2] Về hôn nhân, nguyên đơn và bị đơn chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, tỉnh Cà Mau nay thuộc Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận kết hôn số: 122, ngày 14/4/2004 nên hôn nhân của các đương sự được pháp luật công nhận và bảo vệ. Mặc dù, các đương sự không trực tiếp tham gia phiên tòa xét xử nhưng đã có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án và cùng thống nhất yêu cầu Tòa án giải quyết cho các đương sự ly hôn với nhau.

Xét thấy, việc các đương sự thống nhất ly hôn là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn được chấp nhận.

[3] Về con chung là Khổng Hùng T, sinh ngày 13/02/2003 và Khổng Hùng N1, sinh ngày 16/6/2006. Hiện các con đã thành niên, tự nuôi sống bản thân được nên khi ly hôn, các đương sự không có ý kiến hay yêu cầu gì về con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung, các đương sự khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, nguyên đơn phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 144, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Thảo N về việc xin ly hôn anh Không Văn Đ.

- Về con chung là Không Hùng T, sinh ngày 13/02/2003 và Không Hùng N1, sinh ngày 16/6/2006. Hiện các con đã thành niên, tự nuôi sống bản thân được nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung, chị Lê Thị Thảo N và anh Không Văn Đ khai không có, nên không đặt ra xem xét.

- Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, chị Lê Thị Thảo N phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ngày 23/3/2026, chị N đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số 0002947 được đối trừ, chuyển thu sung quỹ Nhà nước.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- UBND xã Nguyễn Việt Khái, tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lâm Hoài Ân